

Số: 06 /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 12 tháng 01 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư  
trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15 tháng 7 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính  
phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực  
giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-  
CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5  
năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt  
động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Thông  
tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12  
năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chính  
sách đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng  
Nam giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 11 tháng 01  
năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định các chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định của Chính phủ.
2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư quy định tại Điều 1.

### **Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách và nguyên tắc áp dụng**

#### 1. Điều kiện được hưởng chính sách

a) Dự án thuộc danh mục các loại hình khuyến khích và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008, số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013, số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016; có trong danh mục và phù hợp tiêu chí thu hút đầu tư xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Dự án phải phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của địa phương; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; quyết định chấp thuận nhà đầu tư (hoặc quyết định kết quả lựa chọn nhà đầu tư) theo quy định.

c) Dự án thực hiện xã hội hóa phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, quy mô theo phương án đầu tư đã đăng ký; thực hiện dự án xã hội hóa đúng mục đích, có hiệu quả.

#### 2. Nguyên tắc áp dụng

Trong cùng một thời gian, địa bàn, loại hình, trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách khác nhau theo quy định của pháp luật và chính sách tại Nghị quyết này thì được lựa chọn mức ưu đãi cao nhất.

### **Điều 4. Nội dung các cơ chế, chính sách**

#### 1. Chính sách miễn tiền thuê đất

a) Miễn 100% tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đất thực hiện dự án (tối đa 50 năm) đối với tất cả các dự án thuộc các lĩnh vực xã hội hóa theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

b) Các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn các thành phố: Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn được miễn tiền thuê đất theo các mức tương ứng: miễn tối đa 50 năm, 25 năm, 20 năm, 15 năm tiền thuê đất của dự án tùy vào loại hình ưu tiên thu hút trong giai đoạn 2022-2025.

*(chi tiết các Phụ lục II, III, IV, V kèm theo)*

c) Trong mỗi dự án chỉ miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất sử dụng đúng mục đích xã hội hóa, phần diện tích đất sử dụng không đúng mục đích xã hội hóa không được miễn.

## 2. Chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án thực hiện xã hội hóa như sau:

a) Ngân sách tỉnh bố trí 100% kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh, được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, gồm các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Núi Thành (gồm các xã: Tam Sơn, Tam Thạnh, Tam Mỹ Đông, Tam Mỹ Tây, Tam Trà, Tam Hải), Thăng Bình (gồm các xã: Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Quý, Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế) và xã đảo Tân Hiệp, thành phố Hội An.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, nhà đầu tư đóng góp 50% kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn của tỉnh, được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, gồm các huyện: Đại Lộc, Quế Sơn, Phú Ninh, Duy Xuyên (gồm các xã: Duy Châu, Duy Hòa, Duy Phú, Duy Sơn, Duy Tân, Duy Thu, Duy Trinh, Duy Trung), Núi Thành (gồm các xã: Tam Xuân I, Tam Xuân II, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam), Thăng Bình (gồm các xã: Bình Nguyên, Bình Tú, Bình An, Bình Trung).

Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện/xã thì ngân sách tỉnh hỗ trợ theo diện tích/kinh phí phát sinh trên địa bàn của từng địa phương trong dự án.

c) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Ngân sách tỉnh không hỗ trợ kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

d) Phần diện tích đất được sử dụng đúng mục đích xã hội hóa được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; phần diện tích đất sử dụng không liên quan đến lĩnh vực xã hội hóa không được hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

## 3. Chính sách về cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định pháp luật về xã hội hóa.

b) Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa và mức ưu đãi đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa:

Khung giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa bao gồm giá thuê tối thiểu và giá thuê tối đa được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chủ dự án thực hiện xã hội hóa được áp dụng giá cho thuê ưu đãi bằng giá thuê tối thiểu theo quy định (trong trường hợp không đấu giá cho thuê tài sản); trường hợp thực hiện đấu giá cho thuê tài sản, giá khởi điểm đấu giá được xác định

bằng giá thuê tối thiểu theo quy định. Thời gian hưởng ưu đãi chỉ áp dụng trong 50% thời gian đầu của hợp đồng thuê và không quá 10 năm.

#### 4. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; được xem xét trong danh mục ưu tiên vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam (dự án phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam, phù hợp với danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025).

#### 5. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác

Các quy định về chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ đầu tư khác đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa có liên quan không đề cập tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản Luật, quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này; quy định, hướng dẫn cụ thể các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

b) Đối với lĩnh vực giám định tư pháp và các lĩnh vực khác (trung tâm khởi nghiệp - sáng tạo, tái chế các sản phẩm từ rác...) chưa được Chính phủ quy định chi tiết về danh mục, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiếp tục theo dõi việc ban hành quy định của Trung ương để kịp thời cập nhật, bổ sung; hoặc có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan của Trung ương để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Chỉ đạo các sở, ngành và địa phương chủ động, phối hợp xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể, xác định danh mục dự án cần ưu tiên xã hội hóa trên từng lĩnh vực phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương nhằm phát huy hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nguồn lực đầu tư.

Chủ động rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất trong xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm để thu hút các dự án đầu tư xã hội hóa. Trong đó, không quy hoạch, sử dụng đất tại địa bàn các xã ven biển của tỉnh để triển khai chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa. Trường hợp thật sự cần thiết báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Chỉ đạo các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh triển khai dự án đảm bảo đúng yêu cầu về tiến độ và nội dung đăng ký đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hóa không triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ thì thực hiện các thủ tục xử lý, thu hồi dự án theo đúng quy định của

pháp luật hiện hành.

đ) Tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm dành cho ưu đãi đầu tư trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, quyết định phân bổ, đảm bảo cân đối nguồn lực theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

e) Tăng cường quản lý, sử dụng đất đai với các dự án xã hội hóa đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các nhà đầu tư thực hiện dự án không đúng cam kết theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện các cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi, truy thu nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Đồng thời, nghiêm cấm việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái phép khi thực hiện dự án xã hội hóa. Kiểm soát giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ theo đúng quy định pháp luật do các cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp, nhằm cung cấp dịch vụ cho người dân đảm bảo chất lượng tốt, hiệu quả, an toàn.

f) Trong quá trình thực hiện trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khoá X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- UBNDTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBNDTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**

